

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024 – 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở Giáo dục: Trường Trung học phổ thông Lương Khánh Thiên.

2. Địa chỉ: Số 7 Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 02253 505 735

Website: <https://thptluongkhanhthien.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường THPT tư thục

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm hơn 10 năm hình thành và phát triển, cùng với việc thực hiện đổi mới giáo dục, trường THPT Lương Khánh Thiên xác định đổi mới quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt đột phá, nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới. Theo đó, trường THPT Lương Khánh Thiên đã tái cơ cấu tổ chức, quy tụ đội ngũ giáo viên giỏi hàng đầu của thành phố tâm huyết, tích cực tham gia giảng dạy và đầu tư xây dựng phát triển nhà trường; cùng với đó là việc thực hiện đổi mới nội dung giáo dục và hình thức tổ chức dạy học, áp dụng phương pháp dạy học tích cực, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá... Với phương châm “*Tất cả vì học sinh thân yêu*”, các thầy cô giáo đã thực sự tận tâm với nghề, hết lòng thương yêu học trò để có được kết quả giáo dục cao nhất. Nhờ đó, học sinh không những được học tập giỏi về kiến thức văn hóa mà còn được rèn luyện kỹ năng sống, năng lực tư duy sáng tạo để các em được phát triển toàn diện, mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, mang lại hạnh phúc và niềm tin yêu cho các bậc phụ huynh. Kết quả học tập trong năm học 2024 - 2025 vừa qua đã khẳng định được hiệu quả của năm hành động đổi mới quản lý giáo dục của Nhà trường và sự tâm huyết góp sức của mỗi nhà giáo.

Bên cạnh đó, trường THPT Lương Khánh Thiên đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện học tập chất lượng cao, các phòng học trang bị điều hòa, nước uống, máy chiếu, camera và các điều kiện học tập khác... để tạo điều kiện tối đa cho việc dạy và học đạt hiệu quả cao nhất. Địa điểm học tập của Nhà trường tại trung tâm thành phố, giao thông thuận lợi, phù hợp cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh.

c. Quyết định công nhận Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 1025/QĐ-SGDĐT ngày 07/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận hiệu trưởng trường THPT Lương Khánh Thiện.

- Quyết định số 871/QĐ-SGDĐT và Quyết định số 870/ QĐ-SGDĐT ngày 19/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận phó hiệu trưởng trường THPT Lương Khánh Thiện.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng nhiệm vụ, sơ đồ tổ chức bộ máy:

- Quy chế tổ chức và hoạt động; nhiệm vụ và quyền hạn: thực hiện theo quy định tại thông tư 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực:

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

+ Hội đồng trường với 5 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng

+ Hội đồng kỷ luật

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Tổ chức Công đoàn

+ Tổ chức Đoàn thanh niên CS HCM

+ Các tổ chuyên môn

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh đạo trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Vũ Quang Vinh	Hiệu trưởng	0989 145 516	vinh1961@gmail.com
2	Nguyễn Thị Mai Phương	Phó hiệu trưởng	0359040547	nguyenmaiphuonghp90@gmail.com
3	Nguyễn Thu Hà	Phó hiệu trưởng	0904095277	nguyenthuha1983thp@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 7 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	12	Số m2/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	28m2/36
2	Phòng học bán kiên cố	10	28m2/30
3	Phòng học tạm	0	

4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	28m ² /36
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	12/12
8	Bình quân học sinh/lớp	35	36/12
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5100	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	450	1,5
VI	Tổng diện tích các phòng	3000	
1	Diện tích phòng học (m ²)	480	1,3
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	120	28m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	30	30m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	0	
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6		

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	20m	1	20m	2	40m	2	40m
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y Tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

**Danh mục sách giáo khoa lớp 10, 11,12 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 sử dụng trong trường THPT Lương Khánh Thiện
Năm học 2025 – 2026**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) về quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 4607/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 (bổ sung), lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng Ban hành về Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3(bổ sung), lớp 4, lớp 8, lớp 10 (bổ sung), lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Trường THPT Lương Khánh Thiện thông báo đến CB - GV- NV, CMHS, học sinh về Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường THPT Lương Khánh Thiện năm học 2025 - 2026 như sau:

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Ngữ văn 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	
2	Toán 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phạm Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng,	

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
		Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
	Toán 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phạm Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	
	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (Đồng chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	
3	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phụng	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thê Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hương	Cty cổ phần đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Đơn vị liên kết: Nhà XB ĐHSP)
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên) Nguyễn Thị Thê Bình, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm	
5	Địa lí 10 (Cánh Diều)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cừ, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Cánh Diều)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cừ, Đặng Tiên	

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
		Dung, Đào Ngọc Hùng	
6	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	
7	Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Bá (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải	
8	Hoá học 10 (Cánh Diều)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Vũ Anh Tuấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Cánh diều)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Vũ Anh Tuấn	
9	Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Bùi Thị Việt Hà, Đinh Đoàn Long, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Lai Thành	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phạm Thị Hương, Dương Minh Lam	
10	Tin học 10: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt	
11	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông (Cánh diều)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
	Giáo dục 10: Bóng rổ (Cánh diều)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên)	
12	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn.	
13	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Cánh Diều)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Đại học Huế
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Cánh Diều)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam
16	Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	
17	Mĩ thuật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật 10: Thiết kế thời trang (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
	Mĩ thuật 10: Thiết kế công nghiệp (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đỗ Đình Tuyền	
	Mĩ thuật 10: Hội họa (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh	
	Mĩ thuật 10: Kiến trúc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Ngữ văn 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	
2	Toán 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên), Lê	

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
		Văn Cường, Phạm Anh Minh	
3	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất - Bóng rổ 11 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất – Đá cầu 11 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng	
5	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Việt Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 11 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Lê Hiến Chương, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm	CT cổ phần đầu tư XB - Thiết bị giáo dục VN (Đơn vị liên kết: Nhà XB Đại học SP
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên) Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm	
7	Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên), Mai Phú Thanh (Chủ biên), Huỳnh Ngọc Sao Ly, Bùi Vũ Thanh Nhật...	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hòi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hòi	
9	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cường, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Trương Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh	
10	Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Đăng Đạt, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	
11	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thúy, Lê Thị Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Phan Thị Thu Hiền, Trần Thị Thanh Huyền, Đặng Bảo Ngọc, Lê Thị Thủy	
12	Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	
13	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoành Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Phùng Xuân Lan, Trương Đức Phúc	
14	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh	CTy CP Đầu tư XB - Thiết bị GDVN (liên kết: Nhà XB ĐH Huế)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh	
15	Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	
16	Mĩ thuật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Hội họa	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	
	Thiết kế đồ họa	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính, Chu Thị Kim Ngân	

TT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	
	Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần	
	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Gia Lê (Tổng CB), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	
17	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Bích Liên (đồng Chủ biên), Mai Thị Phương, Đồng Văn Toàn, Trần Thị Quỳnh Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	ĐH Sư phạm
2	Ngữ Văn 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục VN
3	Tiếng Anh 12 Global Success	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục VN
4	Lịch Sử 12	Cánh Diều	Vũ Minh Giang	Giáo dục VN
5	Địa Lí 12	Cánh Diều	Lê Thông	ĐH Sư phạm
6	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan	Giáo dục VN
7	Vật lý 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục VN
8	Hóa học 12	Cánh diều	Trần Thành Huế	Đại học Sư phạm
9	Sinh học 12	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	Giáo dục VN
10	Tin học 12	Chân trời sáng tạo	Hoàng Văn Kiếm	Đại học Sư phạm
11	Giáo dục thể chất 12	Đá cầu - Cánh diều	Đình Quang Ngọc	Đại học Sư phạm
		Bóng rổ - Cánh diều	Đình Quang Ngọc	Đại học Sư phạm
		Cầu lông - Cánh diều	Đình Quang Ngọc	Đại học Sư phạm

12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 12	Cánh Diều	Vũ Đình Bảy	Cty CPĐT xuất bản- TBGD VN
----	---------------------------------------	-----------	-------------	----------------------------

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35		4												
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	27														
1	Toán	5		3												
2	Lý	1														
3	Hóa	1														
4	Sinh															
5	Văn	4														
6	Sử	2														
7	Địa	2		1												
8	KTPL	2														
9	Tiếng Anh	4														
10	Tin học	2														
12	GDTC	2														
II	Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1														
2	Phó hiệu trưởng	2														
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1														
2	Nhân viên kế toán	1														
3	Thủ quỹ	1														
4	Nhân viên y tế	1														
5	Nhân viên thư viện	1														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1														
9	...															

- Hiệu trưởng: 01

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 02 phó hiệu trưởng 35 Giáo viên.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100%

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch cải tiến.

1.1. Năm học 2025-2026

- Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10,11,12 đảm bảo đúng chương trình, khung thời gian năm học. Thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng,

chống ứng phó với thiên tai, dịch bệnh để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

- Tiếp tục chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ và các điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá; đổi mới kiểm tra đánh giá đúng quy định đối với các môn, các khối lớp; tổ chức kiểm tra chung các bài kiểm tra định kì.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học.
- Thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
- Tăng cường nền nếp kỉ cương, tổ chức các hoạt động TDDT, học tập trải nghiệm, hướng nghiệp và phân luồng.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra khảo sát chất lượng học sinh khối lớp 10,11; thi thử với học sinh khối 12; tổ chức dạy học tăng cường và ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa cho năm học 2025-2026 theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT.
- Phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

- Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 3 khối lớp; đảm bảo đúng chương trình. Linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống ứng phó với thiên tai, dịch bệnh để hoàn thành nhiệm vụ năm học.
- Tiếp tục chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ và các điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá; đổi mới kiểm tra đánh giá đúng quy định đối với các môn, các khối lớp; tổ chức kiểm tra chung các bài kiểm tra định kì.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học.
- Thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học và quản lý; thực hiện dạy học STEM. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học; làm tốt nền nếp kỉ cương, tổ chức các hoạt động TDTT, hoạt động học tập trải nghiệm, hướng nghiệp và phân luồng.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra khảo sát chất lượng học sinh khối lớp 10,11; thi thử với học sinh khối 12; tổ chức dạy học tăng cường và ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tăng cường dự giờ thăm lớp, rút kinh nghiệm chuyên môn trong tổ nhóm.
- Phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025 – 2026

- Đối tượng tuyển sinh: Người học đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Tuyển sinh 3 lớp, 135 học sinh.

- Phương thức tuyển sinh:

- **Đối với thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh vào 10 THPT năm học 2025 - 2026:** Xét kết quả điểm thi 03 môn Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh (đại trà) trong kỳ thi tuyển sinh vào 10 THPT trường THPT công lập, thí sinh không bị vi phạm quy chế thi đến mức hủy bài thi, không có bài thi nào bị điểm dưới 1.0 (một) điểm.

- **Đối với thí sinh không tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026:**

Xét kết quả hạnh kiểm và học lực của 4 năm cấp THCS đã quy ra điểm.

- Thời gian tuyển sinh:

- **Đợt 1:** Từ 15/5/2025 đến hết ngày 18/6/2025

- **Đợt 2:** Từ 19/6/2025 đến hết ngày 10/8/2025

2. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh xếp loại học lực và kết quả rèn luyện cuối năm học từ Đạt trở lên.	Học sinh xếp loại học lực và kết quả rèn luyện cuối năm học từ Đạt trở lên.	- Học sinh hoàn thành chương trình THCS - Có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
		- Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- GCN hoàn thành chương trình THCS
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	-Thực hiện chương trình 2018/BGD&ĐT -Thực hiện đúng qui chế	-Thực hiện chương trình 2018/BGD&ĐT -Thực hiện đúng qui chế	-Thực hiện chương trình 2018/BGD&ĐT -Thực hiện đúng qui chế
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo điều lệ - GV và CBCNV chấp hành đúng điều lệ trường THPT. - HS chấp hành quy chế, trách nhiệm học sinh - Kết hợp chặt chẽ các tổ chức, lực lượng giáo dục: ĐTN, Ban chi hội PH,... làm công tác giáo dục 		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang bị thiết bị hiện đại, trang bị 100% các phòng có internet -Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, các phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức tuyên truyền các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh. 		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>Học lực khá giỏi đạt 60% trở lên (học lực giỏi 15% trở lên), tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 1%, không có học sinh kém.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thi đỗ đại học, cao đẳng: trên 50%. + 100% học sinh được lựa chọn, xếp tổ hợp môn học phù hợp, được tư vấn chọn nghề. + 100% học sinh được học và thành thạo tin học ứng dụng, được cấp chứng chỉ tin học. + 100% học sinh được tư vấn hướng nghiệp phù hợp, được học nghề và được cấp chứng chỉ nghề. + 100% học sinh được học giáo dục khởi nghiệp và hàng năm có học sinh đạt giải các kỳ thi khởi nghiệp cấp thành phố trở lên. +95% học sinh có kết quả rèn luyện đạt khá và tốt. 		

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
		+100% học sinh chấp hành tốt nội qui nhà trường. + 100% học sinh biết chào hỏi đúng cách (cúi đầu chào lễ độ) khi gặp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường + 100% học sinh được tư vấn học đường, được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực, tự nguyện tham gia các phong trào đoàn, các câu lạc bộ, các hoạt động xã hội trong và ngoài nhà trường. + Không có học sinh vi phạm nghiêm trọng các hành vi như: đánh nhau, hút thuốc + Không có học sinh vi phạm pháp luật và mắc phải các tệ nạn xã hội, không để xảy ra hiện tượng bạo lực trong học đường.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	85% học sinh tiếp tục theo học các trường ĐH, CĐ		

3. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024 - 2025

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	124			124
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	124			100 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0			0 %
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)				
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	309	132	177	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	292	97,01%	91,01%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	17	1,49%	8,43%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
II. 1	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	124			124

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp12
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	87			70,16%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36			29,03%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1			0,81%
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0			0
II. 2	Số học sinh chia theo kết quả học tập	309	132	177	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	64	11,94%	26,94%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	184	62,69%	56,18%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	59	23,88%	14,61	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	12,5%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	433	132	177	124
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	431	100%	98,9%	100%
1.1	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	124			124
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	87			70,16%
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36			29,03%
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	309	132	177	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	4		2,3%	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	60	11,94%	25%	
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1,1%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	2		0,6%	0,8%
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4	1,5%	1,1%	0,8%

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp12
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	122			122
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	122			122
1	Giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
3	Trung bình (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	227/206	70/62	97/80	59/65
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	1	3	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Công khai mức thu học phí năm học 2025 – 2026.

T T	Nội dung thu	Khối	Số tiền	Hình thức thu	Thời gian thu
1	Học phí	Khối 10	Từ 1.950.000 đ/tháng đến 2.100.000 đ/tháng	Theo tháng	Từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng
		Khối 11	2.100.000 đ/tháng	Theo tháng	Từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng
		Khối 12	2.700.000 đ/tháng	Theo tháng	Từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong nhà trường

1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kết quả triển khai thực hiện Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Ban giám hiệu đã triển khai và chỉ đạo giáo viên, các tổ nhóm chuyên môn xây dựng chương trình nhà trường theo tinh thần công văn số 5512/ BGDĐT-GDTrH.

Chương trình nhà trường được xây dựng từ tổ, nhóm chuyên môn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực học sinh, được ban giám hiệu phê duyệt từ đầu

năm học và được tổ chức thực hiện nghiêm túc theo thời khóa biểu.

Việc xây dựng tổ hợp môn lựa chọn, cụm chuyên đề các môn lựa chọn căn cứ đội ngũ giáo viên của trường, học sinh và CMHS lựa chọn theo tổ hợp có sẵn.

* Khó khăn: đội ngũ giáo viên mỏng, khó khăn trong việc học hỏi, trao đổi và rút kinh nghiệm trong xây dựng chương trình nhà trường, các chuyên đề.

* Hạn chế: Chưa tổ chức dạy và học ngoại ngữ theo hướng tăng cường ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật bản, Hàn Quốc

* Nguyên nhân: do điều kiện kinh tế tại địa phương còn khó khăn, một số học sinh còn phải đi làm thêm, phụ giúp gia đình, cha mẹ học sinh và học sinh chưa xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

1.2. Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của đơn vị; công tác sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (nêu rõ số lượng chủ đề đã thực hiện).

- Các tổ nhóm đã thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến như: triển khai dạy học theo phương pháp “Bàn tay nặn bột”, vận dụng “Sơ đồ tư duy” phương pháp “Học thông qua trò chơi” nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.
- Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học thể hiện một số tổ nhóm như sau:

1.2.1. Kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra đã được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận đã biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.
- Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.
- Tăng cường đổi mới kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy: Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo, kiểm tra sát sao các giáo viên bộ môn thực hiện tốt công tác này.

1.2.2. Kết quả thực hiện quy chế chuyên môn, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn, quản lý hồ sơ sổ sách trong nhà trường, đổi mới hình thức quản lý chuyên môn.

- Ban lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Đồng thời, tổ chuyên môn cũng thay phiên tăng cường tham dự các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.
- Ban lãnh đạo nghiêm túc chỉ đạo các bộ phận đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tăng cường chuyển đổi số, sử dụng hồ sơ điện tử, giáo án điện tử, học liệu điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục. Thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.
- Bám sát nhiệm vụ năm học, tổ nhóm đã xây dựng kế hoạch công tác cụ thể: Kế hoạch giáo dục tổ nhóm, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tổ nhóm, kế hoạch giáo viên, kế hoạch bài dạy, sổ chủ nhiệm tất cả các kế hoạch đều được quản lý trên phần mềm quản lý chuyên môn. Có sự theo dõi giám sát thời gian thực hiện của tổ trưởng, nhóm trưởng và rà soát đúng tiến độ chương trình, điều chỉnh kịp thời tiến độ chương trình.

1.2.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Số lượng giáo viên thỉnh giảng nhiều cũng phần nào ảnh hưởng đến việc học chuyên môn, dẫn đến chậm triển khai một số hoạt động chuyên môn.
- Còn có sự thay đổi giáo viên giảng dạy một số môn học giữa các học kì nên còn phải điều chỉnh phân quyền trong phần mềm quản lý chuyên môn.
- Số ít giáo viên đổi mới phương pháp dạy học còn chậm, ứng dụng công nghệ thông tin chưa thành thực, chưa chủ động trong phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
- Các bộ phận văn phòng tuy đã có sự thay đổi theo hình thức số hóa nhưng độ phổ cập chưa cao, chưa tự giác tìm hiểu, tham gia vào các hội nhóm hướng dẫn để đặt câu hỏi, dẫn đến một số đầu việc đình trệ, chậm tiến độ hoặc sai hình thức văn bản.
- Công tác kiểm tra, kiểm soát chưa sát sao, dẫn đến sai sót ở các khâu nhập điểm, phân công môn học, nhập thông tin học sinh, nhập học bạ và tổng kết điểm.

1.3. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh sau THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường đã tích cực vào cuộc, tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp, các buổi ngày hội việc làm với sự tham gia đông đảo của các đơn vị lớp để tuyên truyền cho học sinh về ý thức và tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp sau THPT.

- Nhà trường kết hợp với trường Trung cấp chuyên nghiệp Hải Phòng để tổ chức các khóa học nghề ngắn hạn phù hợp nhu cầu của từng nhóm học sinh, vừa giúp cho học sinh từ lớp 10 đã có được hình dung về những nghề nghiệp trong tương lai, vừa cung cấp cho học sinh một chứng chỉ nghề sơ cấp, giúp học sinh có thêm lợi thế khi tham gia vào thị trường lao động.
- Ban lãnh đạo cũng nghiêm túc làm việc với tổ Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp để chọn lọc, nghiên cứu các tài liệu, phương pháp và công cụ thích hợp để lồng ghép giảng dạy về nghề nghiệp trong các tiết học. Đối với các chuyên đề trong bộ môn giáo dục địa phương, ban lãnh đạo cũng làm việc với giáo viên giảng dạy để nhấn mạnh các ngành nghề hiện đang chiếm thế mạnh trong kinh tế Hải Phòng, qua đó giúp học sinh hình thành hiểu biết về kinh tế Hải Phòng nói chung và định hướng nghề nghiệp gắn liền với địa phương trong tương lai.
- Tiếp tục tổ chức các hoạt động hoạt động văn hóa, văn nghệ: giải bóng đá truyền thống, giải thi đấu bóng rổ, cầu lông, giải bơi lội, được đông đảo đoàn viên thanh niên nhiệt tình hưởng ứng. Tổ chức Hội khỏe phù Đổng cấp trường với các môn thi đấu: Kéo co, Cờ vua, Bóng bàn, Cầu lông,...
- Nhà trường thành lập tổ tư vấn học đường để kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, kịp thời đồng hành, giải đáp các vấn đề của học sinh.

1.4. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học, hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục trung học theo công văn số 1877/SGDDT-GDTrH ngày 01/9/2021 của Sở GD&ĐT.

1.4.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023 - 2024.

- Động viên giáo viên tăng cường tự học tập nâng cao trình độ, chuẩn hóa năng lực đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy tiếng Anh theo chương trình mới; đã cử giáo viên đi bồi dưỡng chuyên môn đúng thành phần; giáo viên tham gia khóa học đầy đủ, nghiêm túc.

- Tăng cường áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, chú trọng các hoạt động mang tính hợp tác cao như: hoạt động tổ nhóm; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến...

Giáo viên tin học đạt chuẩn theo qui định; Học sinh được tham gia học đầy đủ các nội dung, thực hành tin học. Có 02 phòng thực hành tin học với máy tính kết nối mạng.

1.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

+ Số lượng học sinh có nguyện vọng không nhiều nên tổ chức hoạt động còn nhiều khó khăn.

Kết quả thực hiện giáo dục STEM, hoạt động NCKH: Công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá, kết quả đạt

1.4.3. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023 - 2024 (nêu rõ số lượng chủ đề đã thực hiện).

Năm học 2024 – 2025, các tổ nhóm đã thực hiện được 02 dự án STEM trong phạm vi trường.

Các tổ nhóm đã tích cực xây dựng các chủ đề Stem khơi gợi tinh thần sáng tạo học sinh và đã được triển khai trên khối 10, 11, 12 trong nhà trường ở một số nhóm chuyên môn.

Môn	Chủ đề STEM	Khối lớp
Vật lý	Chế tạo guồng nước trang trí và tên lửa nước từ dụng cụ tái chế	10
	Nguồn điện từ rau củ quả	11

So với năm học trước, tuy số lượng chủ đề STEM có ít hơn, nhưng số lượng các chủ đề hướng nghiệp và giúp học sinh định hướng nghề nghiệp tăng cao, bám sát vào nhu cầu của thị trường lao động địa phương. Điều này cũng phù hợp với phương châm đào tạo của nhà trường, đó là cung cấp những công cụ cho học sinh có tâm thế sẵn sàng tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

1.4.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số chủ đề STEM các em học sinh còn chưa chủ động nên cần nhiều sự hướng dẫn của giáo viên
- Sản phẩm gửi về nhà trường chưa có sự đầu tư, nhiều nhóm còn làm sản phẩm rời rạc, chưa đầu tư công sức, chưa nghiêm túc trong quá trình thực hiện.

1.5. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; an toàn giao thông; công tác Đoàn trong nhà trường.

1.5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023 – 2024

Nhà trường đã chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đặc biệt về việc đảm bảo vệ sinh trường, lớp và công tác phòng chống dịch bệnh.

Ban giám hiệu đã tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, tư vấn, hướng dẫn học sinh các kỹ năng tham gia giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội; tăng cường kiểm tra nề nếp, ý thức học sinh.

+ Phối hợp với công an phường tổ chức tuyên truyền về Luật ATGT đường bộ đồng thời cho phụ huynh và học sinh ký cam kết với nhà trường trong việc thực hiện nghiêm túc Luật ATGT như không giao xe máy cho học sinh khi chưa đủ tuổi, chưa có giấy phép lái xe, học sinh phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy và phương tiện xe hai bánh chạy bằng điện tham gia giao thông.

Phát thông điệp an toàn giao thông trên hệ thống loa phát thanh học đường từ ngày. Nhà trường nghiêm khắc phê bình, hạ hạnh kiểm những học sinh vi phạm Luật ATGT khi có thông báo của Công an.

+ Phối hợp với công an Phường Minh Khai kiểm tra nội vụ học sinh.

+ Phối hợp với trạm biên phòng cửa khẩu cảng chính tổ chức tuyên truyền vì biển đảo quê hương.

+ Phối hợp Công an thành phố tổ chức tuyên truyền phòng chống vật liệu nổ

+ Duy trì hoạt động tổ tư vấn tâm lý học đường, hoạt động của tổ tư vấn đã giúp học sinh giải quyết được những vướng mắc trong cuộc sống và học tập.

- + Hàng tuần, hàng tháng Đoàn trường tuyên dương, khen thưởng những học sinh có kết cao trong học tập, trong các cuộc thi; những lớp thực hiện tốt nội quy nhà trường
- + Đầu năm học triển khai việc mua sổ theo dõi sức khỏe cho học sinh lớp 10.
- + Thường xuyên tổ chức cho học sinh lao động vệ sinh trong khuôn viên nhà trường; trực nhật, vệ sinh.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao sức khỏe CBGVNV và học sinh

1.5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Còn một số em chưa nghiêm chỉnh chấp hành Luật ATGT như: không đội mũ bảo hiểm, đi xe không gương chiếu hậu,...;
- Đầu năm học, tại trường có hiện tượng một số học sinh sử dụng thuốc lá điện tử nhưng đã được phát hiện kịp thời, giải quyết triệt để. Tuy nhiên, nguồn thuốc lá điện tử khá dễ dàng nên nhà trường không thể kiểm soát việc học sinh mua bán và sử dụng thuốc lá điện tử bên ngoài nhà trường;
- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến con em, phó mặc cho giáo viên chủ nhiệm, nhà trường dẫn đến việc phối kết hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh chưa kịp thời.

1.6. Tình hình thực hiện chuyển đổi số trong các đơn vị:

Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, tình hình sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn điện tử trong các nhà trường; các giải pháp chuyển đổi số của đơn vị trong công tác chuyên môn...

1.6.1. Kết quả thực hiện đạt được

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch về Thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024 – 2025
- Nhà trường có hệ thống Internet với 1 đường truyền VNPT và Viettel tốc độ cao đảm bảo cho các hoạt động dạy học và điều hành quản lý.
- Trường có 01 phòng họp trực tuyến, có hệ thống camera đảm bảo cho công tác an ninh, an toàn trường học. Nhà trường có 02 phòng máy với số lượng 20-25 máy tính/phòng đảm bảo cho công tác giảng dạy môn Tin học.
- Nhà trường đã xây dựng trang Website riêng tại địa chỉ thptluongkhanhthien.edu.vn và kết nối với Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng. Phân công cán bộ làm phụ trách đầu mối, kiểm duyệt và đăng bài và những hoạt động của nhà trường trên hệ thống website của đơn vị.
- Trường đã sử dụng hiệu quả các phân hệ của hệ thống Văn phòng điện tử S-office hai chiều trong việc nhận công văn và giao việc đến các bộ phận. Triển khai đến CBGV, NV và phụ huynh học sinh hệ thống điều hành tác nghiệp EnetViet.
- Trường đã sử dụng chữ ký số vào việc xác thực văn bản điện tử, kê khai bảo hiểm xã

hội, kê khai thuế.

- Trường đã vận hành, khai thác hệ thống CSDL ngành đảm bảo việc quản lý thông tin nhà trường, học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đặc biệt là chức năng học bạ điện tử, sổ điểm điện tử theo lộ trình của Sở GD&ĐT.

1.6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Cơ sở vật chất còn chưa đồng bộ, số lượng bài giảng điện tử chưa nhiều.

2. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

2.1. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuẩn bị triển khai cho năm học tới; việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục.

Năm học 2024 -2025, BGH đã chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên tiếp tục nghiên cứu, thực hiện có chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Chương trình, kế hoạch giáo dục của từng bộ môn được giáo viên chủ động đề xuất, xây dựng; tổ, nhóm chuyên môn họp bàn, thảo luận, thống nhất nội dung, phân phối chương trình đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, được Ban giám hiệu phê duyệt từ đầu năm học và được tổ chức thực hiện nghiêm túc theo thời khóa biểu.

Năm học 2024 - 2025, nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục đề ra trong kế hoạch giáo dục nhà trường

2.2. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên của Sở GD&ĐT: trường đã cử giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo đúng công văn triệu tập của Sở. Giáo viên đi học đúng đối tượng, thực hiện nghiêm túc thời gian học tập.

Cán bộ quản lý và giáo viên tham gia bồi dưỡng, học tập và hoàn thành các mô đun theo lịch của Sở GD&ĐT.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình bồi dưỡng giáo viên; thực hiện đánh giá giáo viên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo chuẩn, có đủ hồ sơ theo qui định.

Thực hiện việc rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên, dự kiến phân công giáo viên dạy 3 khối lớp theo Chương trình 2018 phù hợp đội ngũ và nguyện vọng của học sinh.

2.3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

2.3.1. Khuôn viên, sân chơi, bãi tập

- Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.3.2. Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

- Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

- Phòng học bộ môn: có đủ các phòng học bộ môn Lý, Hoá, Sinh, Tin...
- Có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống.

2.3.3. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

- Có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên học sinh.
- Khu vệ sinh của học sinh chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định tại điều 18 của thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.
- Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;
- Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.3.4. Thiết bị

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

2.3.5. Thư viện

- Được trang bị sách, báo, tạp chí, và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;
- Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

2.4. Công tác lựa chọn sách giáo, tập huấn và cung ứng, sử dụng sách giáo khoa.

Ban giám hiệu đã tổ chức triển khai kế hoạch theo đúng tiến trình:

- Tổ chức cho cán bộ giáo viên nghiên cứu các văn bản và sách giáo khoa
- Tổ chức cho cán bộ giáo viên tổ nhóm chuyên môn tham gia Hội thảo giới thiệu các bộ SGK lớp 10,11,12 theo chương trình GDPT 2018
- Tổ chức nghiên cứu bản mẫu SGK các môn học được Bộ GDĐT phê duyệt do các NXB cung cấp bao gồm bản giấy và điện tử.
- Các giáo viên và tổ nhóm chuyên môn chuẩn bị ý kiến bằng văn bản nhận xét về tính phù hợp của mỗi đầu sách giáo khoa theo từng môn học về quan điểm, mục tiêu xây dựng chương trình, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học bám sát các tiêu chí lựa chọn SGK.
- Các nhóm chuyên môn tổ chức cuộc họp cho giáo viên thảo luận, đánh giá các sách giáo khoa của môn học thuộc chuyên môn phụ trách theo tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa; bỏ phiếu kín lựa chọn ít nhất 01 sách giáo khoa cho mỗi môn học;
- Tổ chuyên môn báo cáo Hiệu trưởng danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn
- Hiệu trưởng tổ chức thảo luận, đánh giá SGK trên cơ sở danh mục SGK do các tổ CM đề xuất

Kết quả: Trường THPT Lương Khánh Thiện đã thống nhất lập Danh mục đề xuất lựa

chọn 01 sách giáo khoa cho mỗi môn học và được SGD duyệt.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Đánh giá ngắn gọn những thành tựu đạt được; những tồn tại hạn chế; nguyên nhân các tồn tại, hạn chế chỉ rõ những vấn đề nào thuộc thẩm quyền của đơn vị, các giải pháp khắc phục.

Trong năm học 2024 - 2025 nhà trường đã đạt được những nhiệm vụ đề ra trong nghị quyết của hội đồng nhà trường và BGH. Tỷ lệ học sinh khá giỏi về học tập, khá tốt về hạnh kiểm có tăng hơn năm học trước. Có những nét chuyển biến trong chuyển đổi số áp dụng trong nhà trường, nhà trường tăng cường áp dụng CNTT trong quản lý và trong dạy học. Môi trường học tập lành mạnh, tôn trọng sự khác biệt trong học sinh, học sinh được trải nghiệm thực tế.

Nền nếp nhà trường được duy trì tốt. Nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí, khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học của đội ngũ. Thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp dạy và học, chất lượng giáo dục ổn định và nâng lên rõ rệt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhất là các phương tiện an ninh được tăng cường. Tham gia thi, giao lưu các nội dung đối với giáo viên và học sinh các cấp đều đạt kết quả cao. Đảm bảo tốt việc an toàn trường học. Không có ý kiến của nhân dân về trường. So với kế hoạch năm học, nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

3.2. Hạn chế cần khắc phục

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên. Nâng cao chất lượng trình độ quản lý, đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng, tỉ lệ đầu ra.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 7 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai Phương